

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/DS-PT
Ngày 12 tháng 3 năm 2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Nguyệt và bà Lê Thị Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2025/DS-PT ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà T, Số A -A N, phường B, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N; ông Nguyễn Đức T; ông Trần Việt D và ông Nguyễn Tuấn C (văn bản ủy quyền số 24/GUQ-RE ngày 03/7/2025 - đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng B, R, Số E N, phường L, TP Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1985(vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà M, số F N, Khu Đ, phường T, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

1. Bà Hà Thị T1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Ú, TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số E - D TT T, phường K, TP . Hồ Chí Minh..

1. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm C, thôn Y, xã T, TP . Hồ Chí Minh..

2. Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tiểu khu C, phường T, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt Công ty Đ) trình bày:

Công ty Đ và ông Lê Văn D1 xác lập Hợp đồng vay số: 3105/HĐCV/TNPower - LVD ngày 31/5/2024. Theo thỏa thuận: Hạn mức vay tối đa không quá 20.400.000.000đ; thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi trong hạn 12%/năm; bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả một phần/toàn bộ tiền vay và lãi trước hạn, thời gian trả trước hạn do bên cho vay quyết định.

Công ty Đ cho ông D1 vay 20.300.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số: 01/HĐCV/TNPower-LVD ngày 31/5/2021 vay 15.900.000.000đ và Khế ước nhận nợ số: 02/HĐCV/TNPower-LVD ngày 28/6/2021 vay 4.400.000.000đ. Ngày 05/12/2024, Công ty Đ gửi văn bản cho ông D1 biết về việc Công ty Đ thu hồi vốn vay và lãi, chậm nhất là ngày 23/12/2024. Đến ngày 23/12/2024, ông D1 không thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi cho Công ty Đ.

Công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông D1 trả cho Công ty Đ 24.391.222.548đ (trong đó: gốc là 20.300.000.000đ; lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 4.091.222.548đ); yêu cầu ông D1 phải tiếp tục chịu lãi đến khi trả hết nợ.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn D1 trình bày:

Ông D1 thống nhất trình bày của Công ty Đ về các thỏa thuận đã xác lập theo Hợp đồng vay số: 3105/HĐCV/TNPower - LVD ngày 31/5/2024, Khế ước nhận nợ số: 01/HĐCV/TNPower-LVD ngày 31/5/2021 vay 15.900.000.000đ và Khế ước nhận nợ số: 02/HĐCV/TNPower-LVD ngày 28/6/2021 vay 4.400.000.000đ. Ông sử dụng tiền vay vào việc trả lãi cho Ngân hàng TMCP H1, do Công ty Cổ phần Đ1 vay của Ngân hàng H1.

Công ty Đ1 có đầu tư làm dự án Nhà máy điện gió N. Do vướng mắc về cơ chế nhà nước nên Nhà máy điện gió N chưa được vận hành thương mại nên chưa có doanh thu. Vì vậy, ông D1 không có tiền trả vốn và lãi cho Công ty Đ. Nay ông D1 yêu cầu Công ty Đ cho gia hạn trả nợ và giảm lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ: Buộc ông D1 phải trả cho Công ty Đ số tiền gốc và lãi là 24.391.222.548đ. Ông D1 có nghĩa vụ tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng vay số 3105/HĐCV/TNPower - LVD đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/10/2025, ông D1 nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì lý do sau: Tòa án cấp sơ thẩm vẫn mở phiên tòa và tiến hành xét xử vụ án vào ngày 29/9/2025 khi vắng mặt ông D1 là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS (bị đơn vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng do bão đổ bộ vào khu vực Thanh Hóa vào ngày mở phiên tòa). Ông D1 là người vay hộ cho Công ty Đ1 nhưng Công ty Đ khởi kiện cá nhân ông D1 là không đúng; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu Công ty Đ để tính lãi quá hạn và lãi phạt là chưa thấu, tình đạt lý, chưa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKSKV9 ngày 30/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa kháng nghị với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Đ1 và Ngân hàng H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót; việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về vốn và lãi là không chính xác. Vì vậy, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Ngày 06/02/2026, nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Ngày 06/3/2026 bị đơn có đơn xin rút đơn kháng cáo và đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKSKV9 ngày 30/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299; khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của BLTTDS: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa và Đình chỉ giải quyết vụ án. Các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm làm trong thời hạn luật định nên vụ án được thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn rút đơn khởi kiện; bị đơn rút yêu cầu kháng cáo và đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút kháng cáo của người kháng cáo; việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và được bị đơn đồng ý đều là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299; khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của

BLTTDS: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa và Đình chỉ giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng nghị:

Tại Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKSKV9 ngày 30/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa kháng nghị với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Đ1 và Ngân hàng H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót; việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về vốn và lãi là không chính xác. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tuy nhiên, như đã nhận định trên, phía nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện, bị đơn đã rút kháng cáo và đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định của pháp luật cần Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, như vậy đối tượng xem xét kháng nghị không còn. Vì vậy, những vấn đề đặt ra trong kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 299 của BLTTDS; khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu 1/2 án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 299; khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của BLTTDS. khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

2. *Xử:* Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 146/2025/DS-PT ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ và bị đơn ông Lê Văn D1.

3. *Về án phí:* - Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 132.391.222đ (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

+ Trả lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 64.830.000đ (sáu mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0005952 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn D1 phải nộp là 150.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002284 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (ông D1 được nhận lại

150.000đ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND KV9; THADS KV9;
- THADS Thanh Hóa;
- Dương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Hà

\\